

Số: 697/TM- CNPC

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 5 năm 2024

THƯ MỜI KHẢO SÁT VÀ BÁO GIÁ
Vật tư, thiết bị phục vụ Sửa chữa lớn TSCĐ năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV đang có nhu cầu tìm hiểu và khảo sát giá của một số vật tư, thiết bị để phục vụ công tác sửa chữa lớn TSCĐ năm 2025. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV trân trọng kính mời các nhà cung cấp đến công ty khảo sát và báo giá vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa các hệ thống tổ máy số 2

(Danh mục vật tư, thiết bị chi tiết như phụ lục 02 kèm theo)

Nhà cung cấp có nhu cầu khảo sát và cung cấp tài liệu có liên quan, đề nghị liên hệ: Nguyễn Văn Trung – ĐT: 0976 932 916 - Phòng KHĐT-VT – Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV.

- Yêu cầu đối với báo giá: Chi tiết như phụ lục 01 kèm theo.
- Thời gian nộp báo giá: Trước 15 giờ 30 phút ngày 29/5/2024.
- Địa điểm nộp báo giá: Phòng KHĐT-VT – Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn

Ngõ 719 – Dương Tự Minh – P. Quan Triều – TP Thái Nguyên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Email: truyenthongtkv@vinacomin.vn (để đăng tải);
- Email: quyennb@vinacominpower.vn (để đăng tải);
- Lưu VT, KHĐT-VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoài Trung



PHỤ LỤC 2: KÈM THEO THƯ MỜI KHẢO SÁT BÁO GIÁ

(Số: /TM – CNPC ngày tháng 5 năm 2024)

STT	Tên vật tư/thiết bị	Quy cách, phẩm cấp và đặc tính kỹ thuật của vật tư/thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	Hệ thống lò hơi số 2				
1	Neo thép SUS310, T320, L= 320, Ø12 - Sửa chữa bê tông lò hơi các vị trí	VL: SUS310, T320, L= 320, Ø12	Cái	24	
2	Neo thép SUS310, T285, L= 285, Ø12 - Sửa chữa bê tông lò hơi các vị trí	VL: SUS310, T285, L= 285, Ø12	Cái	18	
3	Neo thép SUS310, T225, L= 225, Ø12 - Sửa chữa bê tông lò hơi các vị trí	VL: SUS310, T225, L= 225, Ø12	Cái	24	
4	Neo thép SUS310, T185, L= 185, Ø12 - Sửa chữa bê tông lò hơi các vị trí	VL: SUS310, T185, L= 185, Ø12	Cái	8	
5	Ống thép - Thay cho van L	KT: Ø42.8x5 -đầu ren M42.8x26, VL: SUS310	m	25.76	
6	Ống dẫn gió giàn nầm - Thay cho van L	KT:Ø39.8x3.5, VL: SUS310	m	11.04	
7	Thép tấm - Thay cho van L	VL: Q345B, dày 8mm	Kg	6973	
8	Thép tấm - Thay cho van L	VL: Q345B, dày 10mm	Kg	851	
9	Thép tấm - Thay cho van L	VL: Q345B, dày 15mm	Kg	1056	
10	Thép hình - Thay cho van L	H250x250x9x14; VL: CT3	Kg	116	
11	Thép tấm - Thay cho van L	VL: Q345B dày 25mm	Kg	196	
12	Thép ống Ø48x3.3 - Gia công tường cách ly phục vụ sấy bê tông sau SC	KT: Ø48x3.3; VL: CT3	m	150	
13	Van điện - Van xả liên tục bao hơi	(1) Van xả liên tục bao hơi Kiểu: REINEKE; (DN: 2'' – 5''; PN: 11.9 Mpa; 322 °C). (2) Cụm điều khiển dẫn động Auma, model: SAR-AM/AMV1222AM Max torque: 60Nm Điện áp: 380V/3ph/50Hz Time: 40s Speed: 2,72rpm Tolerance: 0%-10% depending on technical data	bộ	1	
14	Van - Van điện điều chỉnh nước cấp chính	(1) Thân Van điện điều chỉnh nước cấp chính: Kiểu: KOSO; Size = 4''; PN: 22 Mpa; 222 °C. (Q= 230 t/h; hành trình ty van 150mm (2) Động cơ/ điều khiển: Model: Rexa; Kiểu cơ cấu chấp hành: Điện – thủy lực (Electraulic); Độ phân giải < 0,1% toàn bộ hành trình; Tuyến tính (linearty) < 0.05 %; Tín hiệu điều khiển: 4 ÷ 20mA (D.C); Nguồn động lực: 380V/Hz; Cấp bảo vệ: NEMA4 (IP65).	bộ	1	
15	Ống thép - Làm đường ống dẫn dầu để sấy bê tông	KT: Ø32x2.5; VL: CT3	m	95	
16	Van tay - Làm đường ống dẫn dầu để sấy bê tông	DN 25-PN20	cái	2	
17	Đồng hồ đo áp lực - Làm đường ống dẫn dầu để sấy bê tông	dải từ 0 - 1Mpa	Cái	1	
18	Sơn lót - Sơn vỏ van L và thân Cyclon	Interzinc 2280	lít	56	
19	Dung môi - Sơn vỏ van L và thân Cyclon	International GTA007	lít	20	
20	Sơn phủ - Sơn vỏ van L và thân Cyclon	Intertherm 50 màu ghi xám	lít	64	
II	Hệ thống cấp than lò 2				
1	Van điện tử - Thay bom khí bunke than	Part number: J34BA452CG60S40	Bộ	10	

2	Tấm nắp xích than đầu chủ động số 1 và 2 (T5) - Thay xích than	KT: 843x956; VL: CT3 (theo BVKT)	Bộ	2	
3	Tấm đáy máy cấp than - Thay máy cấp than	KT: 4125 x 747; VL: CT3 (BVKT)	Bộ	2	
4	Động cơ xích tải than - Thay động cơ xích than	SIEMENS- Công suất 22Kw; Tốc độ: 1465; tần số: 50Hz; điện áp: 400V; IP56 - Động cơ dùng biến tần - Quạt làm mát động cơ WISTRO: Đ/C Công suất: 215 W; tốc độ 2800 v/p; 50Hz; điện áp: 230 V; IP 66; Lưu lượng 3400 m3/h (Lắp kết nối với hộp giảm tốc)	Bộ	2	
5	Hộp giảm tốc - Thay HGT xích than	BREVINI - SC3003; out FS; I =134,40; in 00	Bộ	2	
6	Van tay cửa trượt DN600x1521x780 - Theo bản vẽ kỹ thuật (thay van tay cửa trượt đường than)	- DN 600 x 1521 x 780. - Vật liệu cánh van bằng thép Sus 310S. - VL giá đỡ cánh van bằng thép SUS 310S.	Bộ	2	
7	Phễu rót than xuống lò 2050 x 910 x 2551 và ống rót than Ø600 x1785 x 6; VL SUS310S (BVKT) - Thay xích than	KT: 2050 x 910 x 2551 và ống rót than Ø600 x1785 x 6; VL SUS310S (BVKT)	Bộ	2	
III Hệ thống tro đáy lò 2					
1	Van tay cửa trượt đầu vào - Thay cho Dpum	Hãng BH - DN 300 (Nhiệt độ làm việc max 200 °C, P làm việc max 7 bar)	Cái	1	
2	Thân Dpum - Thay cho Dpum	KT: Ø1500 x 2000 x 10 (bao gồm cả phần côn) VL: 15Cr Mo	Cái	1	
3	Van cầu đầu vào - van điện từ khí nén - Thay cho Dpum	CLYDE Part No A4007 P 1.8-16bar (Bao gồm van + cuộn hút + rắc cắm)	cái	1	
4	Van cầu đầu ra - van điện từ - Thay cho Dpum	Van điện từ BOSCH 0820018993/ Đức (Bao gồm van + cuộn hút + rắc cắm)	cái	1	
5	Van tay khí vận chuyển - Thay cho Dpum	DN80, PN15 (van mặt bích)	cái	1	
6	Van 1 chiều - Thay cho Dpum	DN80, PN15 (nổi ren)	cái	1	
7	Cụm van khí nén vận chuyển - Thay cho Dpum	Mã 6519 3/2; DN65; PN25; VL: Đồng (nổi ren)	cái	1	
8	Cụm van khí nén vận chuyển - Thay cho Dpum	Van bi điều khiển khí nén (ON-OFF) DN65 Bao gồm: than van bi + van điện từ	cái	1	
9	Cụm van khí cân bằng - thân van - Thay cho Dpum	Dome vanlve: DN80; Model DV80IVVO (nhiệt độ làm việc 200°C)	cái	1	
10	Cụm van xả khí - thân van - Thay cho Dpum	Dome vanlve: DN80; Model DV80IVVO (nhiệt độ làm việc 200°C)	cái	1	
11	Đo mức phễu Dpum - Thay cho Dpum	AMETEK DREXELBROOK/ MỸ 502 - 3X00Z - TRON - Nguồn cấp: 220VAC - Tiếp điểm: INO, INC	Cái	1	
12	Cảm biến đo áp lực khí vận chuyển - Thay cho Dpum	PMC 11 - AAU1NBVJA Power/communication: 11-30VDC Range 100mbar-40bar Outout 4-20mA (Endress Hauser - Đức)	cái	1	
13	Switch áp lực (đo áp lực phễu Dpum) - Thay cho Dpum	SIRCO Dải đo 0 ÷ 1Mpa Nguồn cấp: 220 VAC Tiếp điểm INO, INC (Có công tắc hoặc vít điều chỉnh áp lực đặt)	cái	1	
14	Van tạo tầng - thân van - Thay cho Dpum	NORGREN Kích thước ống khí đầu vào DN 21	Cái	1	
15	Van màng 1 chiều (cho van tạo tầng) - Thay cho Dpum	Đầu vào DN10 Đầu ra DN20	Cái	4	
16	Tủ điện - Thay cho Dpum	Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) = 600x600x250mm; VL: SUS 304 (chống ẩm, bụi)	Cái	1	
17	Đồng hồ tại chỗ - Thay cho Dpum	Range: 0-10bar D100 Kiểu chân đứng	Cái	1	
18	Switch áp lực (báo vị trí van) - Thay cho Dpum	NORGREN 088034 Range: 0,5-8bar Tiếp điểm: INO, INC	Cái	4	

19	Đồng hồ đo áp lực tại chỗ cho khí điều khiển các van - Thay cho Dpum	Range: 0-10bar D40 Kiểu chân ngang	Cái	4	
20	Van cửa trượt khí nén đầu vào/ra hoper - Bản vẽ kèm theo 1.47810/00 885-0032	- Bản vẽ kèm theo. - DN 250 x 1500 x 100. - KT pitông: $\Phi 80 \times 250$ (hành trình). - Áp lực khí 6 ÷ 10 bar, lưu lượng: 1.26l/lần. - Van chịu áp lực 6 bar. - Vật liệu cánh van bằng thép Sus 310S. - VL giá đỡ cánh van bằng thép SUS 310S.	Cái	2	
IV	Hệ thống tro bay lò 2				
1	Thân van và các bích lắp ghép	KT: $\Phi 274 \times 10$; VL: 15CrMo (theo BVKT)	Bộ	8	

Ghi chú: Thông số kỹ thuật chi tiết tham khảo tài liệu và khảo sát thiết bị thực tế tại nhà máy.

